

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 8 - 2024

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ánh

Bà Hồ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 296/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim S**, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ: **Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bị đơn: Ông **Phan Văn M**, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Kim S** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **S** và ông **M** có tổ chức đám cưới, sống chung từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà **S** yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông **Phan Văn M**.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là: **Phan Văn H**, sinh ngày 09/9/1997 và **Phan Thị Thúy A**, sinh ngày 18/6/2005. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Bị đơn ông **Phan Văn M** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng quá thời hạn luật định mà không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn nhưng không có đăng ký kết hôn, ngoài ra nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông **Phan Văn M** có địa chỉ ở **ấp E, xã T, huyện T** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn ông **Phan Văn M** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà **S** và ông **M** tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, chung sống như vợ chồng từ năm 1996. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng thường xuyên cự cãi làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng nên vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông **Phan Văn M** không có văn bản

ý kiến nộp cho Tòa án. Thời điểm bà **S** và ông **M** tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng đến nay có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên việc sống chung giữa bà **S** và ông **M** không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **S** và ông **M**.

[2.2] Quan hệ nuôi con: Bà **S** và ông **M** có hai con chung là: **Phan Văn H**, sinh ngày 09/9/1997 và **Phan Thị Thúy A**, sinh ngày 18/6/2005. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Bà **S** trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ nợ: Bà **S** trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà **Huỳnh Thị kim S1** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Huỳnh Thị Kim S** với ông **Phan Văn M**.

2. Quan hệ nuôi con: Bà **S** và ông **M** có hai con chung là **Phan Văn H**, sinh ngày 09/9/1997 và **Phan Thị Thúy A**, sinh ngày 18/6/2005. Hiện nay các con

chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Kim S** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0010781 ngày 18/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà **S** đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ánh – Hồ Thị Thủy

Huỳnh Thị Diễm Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Ánh – Hồ Thị Thủy

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Diễm Hương

